| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 18**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 34/2026/LĐ-ST
Ngày: 05-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Văn Quang Bảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trần Xuân Tạo - Cán bộ hưu trí;

2/ Ông Tô Tiến Quân - Chủ tịch Công đoàn phường Long Nguyên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 70/2025/TLST-LĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2026/QĐXXST-LĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Ấp M, xã T, thành phố Cần Thơ; địa chỉ tạm trú: Số E, nhà trọ Nguyễn Văn S, đường T, khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh;

*2. Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn V; địa chỉ trụ sở chính: Lô K-4B-CN, khu công nghiệp M, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn*: Bà Trương Thị X, sinh năm 1987; địa chỉ: Số A, đường D, khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy bản ủy quyền ngày 31/3/2026).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội cơ sở V; địa chỉ: Quốc lộ A, khu phố M, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, đại diện bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:*

Tháng 10/2008, bà T có ký hợp đồng và làm việc tại công ty TNHH N, địa chỉ: Khu Công Nghiệp M, Lô F-9C-CN, đường N, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh) và được công ty TNHH N đóng bảo hiểm xã hội liên tục từ tháng 10/2008 đến tháng 03/2009 tại Bảo hiểm xã hội V với mã số bảo hiểm xã hội 7408286156.

Trong năm 2008, bà bị thất lạc chứng minh nhân dân và được một người (không rõ lai lịch) sử dụng chứng minh nhân dân của bà để làm việc tại công ty TNHH V với danh nghĩa là tên của bà Lê Thị T và được công ty TNHH V, địa chỉ trụ sở chính: Lô K-4B-CN, khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh) đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2009 với mã số bảo hiểm xã hội 7408305871.

Sau đó, bà T có nhu cầu rút tiền bảo hiểm xã hội để xoay sở trong gia đình thì được bảo hiểm xã hội cơ sở V thông báo quá trình đóng bảo hiểm của bà bị trùng giữa 02 mã số bảo hiểm xã hội số 7408286156 và 7408305871 từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2009 với thời gian 04 tháng. Do đó, Bảo hiểm xã hội cơ sở Bến Cát đã hướng dẫn bà đến Toà án nhân dân Khu vực 18 để khởi kiện nhằm bảo vệ quyền lợi của bà và làm hồ sơ hủy khoảng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội trùng thì mới làm hồ sơ rút bảo hiểm xã hội được.

Do vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết như sau: Bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Lê Thị T và Công ty TNHH V trong thời gian từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2009 vô hiệu.

** Đại diện hợp pháp của bị đơn* Công ty TNHH V (bà Trương Thị X) *trình bày*:

Theo hồ sơ lưu trữ tại công ty TNHH V, người lao động Lê Thị Thúy mã bảo hiểm xã hội G có làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2009. Hiện hồ sơ không còn lưu trữ tại công ty TNHH V và đã nghỉ việc từ tháng 02/2009 đến nay. Công ty đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện cho nguyên đơn hưởng đủ quyền lợi theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở V trình bày*:

Công ty TNHH V có tham gia đóng bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) cho người lao động tên Lê Thị T, sinh năm 1988, số chứng minh: 365713004, mã số BHXH: 7408305871 có quá trình như sau:

| Từ tháng | Đến tháng | Cấp bậc, chức vụ, chức danh nghề, công việc, nơi làm việc (tên cơ quan, | Mức đóng |
|---|---|---|---|

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | đơn vị, địa chỉ | |
| 11/2008 | 12/2008 | Công nhân, công ty TNHH Viet Yin. Đường NA6-KCN Mỹ Phước II-Bến Cát-Bình Dương | 963.000 đồng |
| 01/2009 | 02/2009 | Công nhân, công ty TNHH Viet Yin. Đường NA6-KCN Mỹ Phước II-Bến Cát - Bình Dương | 1.156.000 đồng |
| *Tổng thời gian đóng Bảo hiểm xã hội 04 tháng, tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp 02 tháng* | | | |

Qua rà soát dữ liệu quản lý bảo hiểm xã hội thì bà Lê Thị T có tham gia bảo hiểm xã hội mã số bảo hiểm xã hội thứ 2: 7408286156 có quá trình từ 10/2008 đến tháng 03/2009 tại Công ty TNHH N1. Dẫn đến trùng quá trình đóng bảo hiểm xã hội giữa 2 số sổ 7408305871 và 7408286156 từ tháng 11/2008 đến 02/2009 (04 tháng).

Các chế độ đã hưởng: Bà Lê Thị T chưa hưởng bảo hiểm xã hội 1 lần và bảo hiểm thất nghiệp của 2 số 7408305871 và 7408286156.

Về việc chốt sổ và trả sổ BHXH cho bà Lê Thị T là trách nhiệm của công ty TNHH V không có ý kiến.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử thấy rằng:

*[1] Về tố tụng:*

[1.1] Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên bà Lê Thị T với người sử dụng lao động là Công ty TNHH V có địa chỉ trụ sở: Lô K-4B-CN, khu công nghiệp M, phường B, thành phố Hồ Chí Minh trong khoảng thời gian từ tháng 11/2008 đến tháng 02/009 là vô hiệu. Đây là "Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu" được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 1 Luật Sửa đổi,

bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Đối với người sử dụng giấy tờ của nguyên đơn Lê Thị T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH V từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2009, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn xác định bà bị thất lạc giấy tờ cá nhân và không cho ai mượn giấy tờ tùy thân của mình để xin việc làm tại Công ty TNHH V nên Hội đồng xét xử không có căn cứ, thông tin để xác định tư cách tham gia tố tụng của người này trong vụ án.

[1.4] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH V1 và bà Lê Thị T. Tuy nhiên, Công ty TNHH V thừa nhận có ký kết Hợp đồng lao động với người lao động tên Lê Thị T từ 11/2008 tháng 02/2009, tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ nhưng do thời gian đã lâu nên Công ty không còn lưu giữ để cung cấp cho Tòa án. Trình bày của đương sự phù hợp với thông tin cung cấp từ Bảo hiểm xã hội cơ sở V, Công ty TNHH V có đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà Lê Thị T từ tháng 11/2008 đến 02/2009. Như vậy, thực tế có tồn tại Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH V và người lao động tên Lê Thị T. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của .

*[2] Về nội dung:*

[2.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động bà Lê Thị T như sau: Mã số bảo hiểm xã hội 7408286156 từ tháng 10/2008 đến tháng 03/2009 tại Công ty TNHH N. Mã số bảo hiểm xã hội 7408305871 từ tháng 11/2008 đến 02/2009 tại Công ty TNHH V2

[2.2] Nguyên đơn Lê Thị T xác định không ký hợp đồng lao động và không làm việc tại Công ty TNHH V trong khoảng thời gian từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2009, thời gian này nguyên đơn vẫn đang làm việc tại Công ty TNHH N, có ký hợp đồng lao động và được Công ty TNHH N đóng bảo hiểm xã hội với mã số 7408286156, lời khai của nguyên đơn phù hợp với thông tin cung cấp từ Bảo hiểm xã hội Cơ sở V.

[2.3] Như vậy, có đủ cơ sở xác định trong khoảng thời gian từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2009, nguyên đơn Lê Thị T không làm việc tại Công ty TNHH V3. Việc cá nhân khác sử dụng thông tin của nguyên đơn để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH V trong khoảng thời gian từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2009 là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động; vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động mang tên Lê Thi T1 với

Công ty TNHH V từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2009 vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.4] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Do nguyên đơn bà Lê Thị T với bị đơn Công ty TNHH V không tranh chấp và không yêu cầu gì khác trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử thống nhất.

[4] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

- Căn cứ các Điều 127, Điều 132 và Điều 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T về việc Tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn V

- Tuyên Hợp đồng lao động giao kết giữa tên bà Lê Thị T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn V trong thời gian từ tháng 11/2008 đến tháng 02/2009 là vô hiệu.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết các chế độ Bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Bà Lê Thị T tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0049836 ngày 16/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận***:
- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18 -TP. Hồ Chí Minh;
- CC THADS Khu vực 18-TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Quang Bảo**